

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **93/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 29/3/2018
V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**;
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày **29** tháng **3** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2017/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2018/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Văn P**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà L có mặt; ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, bà Huỳnh Thị L trình bày: Hôn nhân của bà với ông Phan Văn P là do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, sau đó về sống làm dâu bên chồng tại ấp A, xã K. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang ngày 20/8/2010. Từ lúc sống chung thì ông P đã ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, bà khuyên can nhưng không thay đổi, đến năm 2013, bà với ông P đi làm công nhân trên Bình Dương thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên cãi vã, rồi ông P bỏ về nhà cha mẹ ruột tháng 11/2016 và ly thân với bà cho đến nay. Nay tình cảm không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà với ông P có 02 con chung: 01/ Phan Hữu K, sinh ngày 01/01/2010; 02/ Phan Hữu V, sinh ngày 06/10/2015. Hiện K đang sống cùng ông P, còn V thì sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, đồng ý để cháu K cho ông P nuôi dạy. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung và cũng không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà L cung cấp cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn, sổ hộ khẩu gia đình, chứng minh nhân dân và trích lục khai sinh cháu K và cháu V (tất cả bản sao).

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông P vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và không tiến hành hòa giải được thì bà L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn; đồng ý để cháu K cho ông P nuôi dạy, bà yêu cầu nuôi cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2018, ông Trương Phú L1 hàng xóm của ông P cung cấp: Hôn nhân của bà L với ông P là do cha mẹ định đoạt, tổ chức lễ cưới vào năm 2009, đến năm 2013 thì đi làm công nhân. Theo ông thì L và P cãi vã nhau, từ năm 2016 thì không còn sống chung cho đến nay, khả năng hàn gắn của hai đứa là không thể. L và P có 02 con chung, đứa lớn tên K thì đang sống với P và ông bà nội, còn đứa nhỏ tên V thì đang sống với L. Tài sản chung thì ông không biết, còn nợ chung cũng không biết nhưng không thấy ai đến đòi.

Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2018, cháu Phan Hữu K con chung của bà L và ông P trình bày: hiện cháu sống với cha và ông bà nội tại ấp A, xã K. Việc ly hôn của cha mẹ thì cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn nhau, cháu xin tiếp tục sống chung với cha và ông bà nội.

Ông Nguyễn Văn B – Phó ấp A cung cấp ông P vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên toà hôm nay: Bà L vẫn yêu cầu xin ly hôn với ông P, đồng ý để cháu K cho ông P nuôi dạy, bà yêu cầu nuôi cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P vắng mặt lần thứ hai. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông P theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị L; giao cháu Phan Hữu V cho bà L nuôi dưỡng, bởi từ trước đến giờ cháu V đã sống chung với bà L; cháu K thì giao cho ông P nuôi dưỡng, điều này là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Công nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung, riêng ông P vắng mặt nên việc nuôi con và cấp dưỡng nếu sau này có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác; tài sản chung, nợ chung xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị L và ông Phan Văn P là do cha mẹ định đoạt; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang ngày 20/8/2010, là hôn nhân hợp pháp nên yêu cầu xin ly hôn của bà L được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông P tiến tới hôn nhân là do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, năm 2016 hai bên phát sinh mâu thuẫn cãi vả

nhau, sau đó ly thân cho đến nay. Hôn nhân giữa bà L và ông P thực tế không thể hàn gắn bởi không còn sống chung từ lâu, thời gian ly thân quá lâu, do đó việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ.

3] *Về con chung*: Xét thấy cháu Phan Hữu V, từ trước đến nay được bà L nuôi và chăm sóc, tình cảm giữa cháu V và bà L đã thật sự gắn bó, do đó việc bà L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là phù hợp, nên HĐXX công nhận. Giao cháu K cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng, điều này là phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện. Do ông P vắng mặt nên không thể xem xét yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của ông P. Nếu sau này ông P có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Phan Văn P.

Về con chung: Ông P được tiếp tục nuôi dạy 01 con chung tên Phan Hữu K, sinh ngày 01/01/2010. Bà L được tiếp tục nuôi dạy một con chung tên Phan Hữu V, sinh ngày 06/10/2015. Công nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L, ông P cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010835 ngày 10/10/2017 (bà L đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Phụng